

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Oanh;

Ông Nguyễn Tấn Phát.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1984; cư trú tại: thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Kiều Thành T, sinh năm 1983; cư trú tại: thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 03/7/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V trình bày:

Chị và anh Kiều Thành T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh T thường chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn trầm trọng xảy ra vào ngày 19/6/2023, anh T đánh con và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà nên chị đưa hai con đi nơi khác sinh sống; hai người đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài,

tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai con chung là Kiều Thị Ánh N, sinh ngày 29/6/2010 và Kiều Thành S, sinh ngày 16/7/2014, hiện hai con đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải ngày 18/8/2023, bị đơn anh Kiều Thành T trình bày: Anh thống nhất việc kết hôn như chị V trình bày. Trong cuộc sống, vợ chồng có mâu thuẫn là do cãi vã nên chị V đưa hai con đi ở nơi khác. Nay chị V xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, con.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung như chị V trình bày. Nếu ly hôn thì anh yêu cầu giao mỗi người nuôi một con, anh trực tiếp nuôi cháu S, giao chị V nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị V yêu cầu được nuôi hai con thì anh không đồng ý vì chị V không có nhà ở, không có nghề nghiệp ổn định nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Kiều Thành T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V và bị đơn anh Kiều Thành T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn; bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến nguyên đơn đưa hai con đi ở nơi khác. Xét thấy, mặc dù bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, không khắc phục được mâu thuẫn, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau là không thực hiện đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định

tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có hai con là Kiều Thị Ánh N, sinh ngày 29/6/2010 và Kiều Thành S, sinh ngày 16/7/2014; các con hiện đang ở với nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con; bị đơn cũng có yêu cầu được nuôi cháu S và cho rằng nguyên đơn không có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay nguyên đơn đã có việc làm, có thu nhập, đảm bảo điều kiện nuôi con; đồng thời, nguyên đơn yêu cầu được nuôi hai con là phù hợp với nguyện vọng của các con và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc V được ly hôn với anh Kiều Thành T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con Kiều Thị Ánh N, sinh ngày 29/6/2010 và Kiều Thành S, sinh ngày 16/7/2014 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Kiều Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0009865 ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã Bình K, TP. T;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa